

Bản án số: 02 /2020/DS-ST  
Ngày 27/11/2020  
V/v: T/c về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH  
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Hân; Ông Trịnh Văn Toán.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Quốc Huy.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 19/2017/TLST- DS ngày 12/12/2017 về việc “ Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2020/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Số 3, ngách 13, ngõ 59, đường Vương Văn Trà, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đồng Thị H1, sinh năm 1962. Có mặt.

**Anh Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1990, ủy quyền cho **bà H1**.

Địa chỉ: Số 11, ngõ 59, đường Vương Văn Trà, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1954. Vắng mặt.

2. Bà **Đinh Thị Th**, sinh năm 1954 ( Vợ ông T1 ). Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là bà Đồng Thị H1:* Luật sư Dương Minh Kiên- Văn phòng Luật sư Dương Minh Nhâm- Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Số 80 đường Nguyễn Du, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là **chị H** trình bày tại phiên tòa: Bố tôi là ông **Nguyễn Văn H3** sinh năm 1960 và mẹ tôi là bà **Đồng Thị H1** sinh năm 1962. Bố mẹ tôi kết hôn năm 1985. Bố mẹ tôi sinh được 02 người con là tôi **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985 và em tôi là **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1990. Ngoài ra bố mẹ tôi không có người con nuôi nào. Bà nội của tôi tên là **Nguyễn Thị Nhật** đã chết năm 1968. Ông nội tôi tên là **Nguyễn Văn T1** đã chết năm 1984. (Đều chết trước bố tôi). Bố tôi bị mắc bệnh hiểm nghèo và chết hồi tháng 3 năm 1994. Quá trình chung sống bố mẹ tôi được địa phương là Hợp tác xã thôn Đông Du Núi và UBND xã Đào Viên cấp cho 01 thửa đất ở mặt đường QL18, thuộc thôn Đông Du Núi, xã Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh. Thửa đất này theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2003 thì có số thửa 31, tờ bản đồ số địa chính số 19, diện tích 193 m<sup>2</sup>. Trên thửa đất có một móng nhà kiên cố xây bằng gạch từ năm 1995, có kích thước rộng 4,8m, dài 9,3m, cao 1,5m. Móng nhà này xây bằng tiền của bố mẹ tôi. Thửa đất này hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do có tranh chấp trong nội bộ gia đình. Năm 1994 bố tôi chết không để lại di chúc, nay tôi yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của bố tôi để lại là quyền sử dụng đất ở trên, còn móng nhà cũ đã hết khấu hao giá trị còn lại không đáng kể, nên không yêu cầu chia.

Quá trình giải quyết vụ án, ông **Nguyễn Văn T1** (tức **Nguyễn Thanh T1**), sinh năm 1954 là bác ruột tôi (anh ruột bố tôi), ở Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh có giao nộp cho Tòa án bản sao tài liệu là “Biên bản cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du” ghi ngày 15/01/1992 cấp cho **ông T1**. Tôi đã làm đơn đề nghị Tòa án yêu cầu **ông T1** nộp bản gốc tài liệu này để cho đi giám định, vì tôi thấy có dấu hiệu bị làm giả, nhưng **ông T1** không nộp. Như vậy **ông T1** đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác để xác định thửa đất trên là tài sản của bố mẹ tôi, chứ không phải là của **ông T1**, để giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của tôi hiện nay là: Chia thửa đất trên và tài sản gắn liền với đất (móng nhà cũ) cho mẹ tôi là bà **Đồng Thị H1** sử dụng, sở hữu. Tôi không yêu cầu mẹ tôi phải trích chia giá trị di sản của bố tôi cho tôi.

Về án phí tôi xin chịu cả theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn là bà **Đồng Thị H1** và anh **Nguyễn Văn H2** do bà **H1** đại diện theo ủy quyền trình bày tại phiên tòa: Tôi nhất trí toàn bộ lời trình bày và quan điểm giải quyết vụ án, kể cả về án phí của **chị H** con tôi ở trên.

Ngoài ra tôi không trình bày và yêu cầu gì khác.

Theo vợ chồng ông **Nguyễn Thanh T1** và bà **Đinh Thị Th** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trong biên bản ghi lời khai: Ông **Nguyễn Văn H3** chồng bà **H1** là em ruột **ông T1**. Ông **H2** là người đứng tên trong hồ sơ kỹ thuật thửa

đất lập năm 2003 đối với thửa đất ở số 31, tờ bản đồ số địa chính số 19, diện tích 193 m<sup>2</sup>, địa chỉ thôn Đông Du Núi, xã Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh. **Ông T1** khẳng định thửa đất này là của ông. Cụ thể ngày 15/9/1990, **ông T1** lúc đó là **Nguyễn Văn T1** đã làm đơn gửi UBND xã Đào Viên và Ban ruộng đất xã Đào Viên để xin cấp đất. Vì lúc đó gia đình ông có 03 anh em trai đã có vợ con đều ở trên một thửa đất của bố mẹ để lại chật hẹp. Căn cứ vào kế hoạch cấp đất của địa phương tại khu vực đường QL 18, ông xin cấp một miếng đất ở đó để gia đình tách hộ. Ông thay mặt gia đình làm đơn và có xác nhận của Ban ruộng đất xã là ông Trần Văn Luật, trưởng thôn Đông Du Núi là ông **Nguyễn Văn H2**, tổ trưởng Hội đồng nhân dân thôn là ông Nguyễn Văn Cục. Sau đó ngày 30/01/1991 ông Mai Văn Thịnh là chủ nhiệm HTX nông nghiệp Đông Du có lệnh nộp tiền mặt lúc đó là 1.100.000đ, và thông báo cho gia đình ông theo nghị quyết của Ban quản trị HTX giải quyết cho gia đình ông 01 miếng đất ở đường QL18. Ngày 21/02/1991 ông có nộp số tiền trên theo phiếu thu số 24 có chữ ký của thủ quỹ và kế toán HTX, thủ quỹ là ông Nguyễn Huy Quan, kế toán trưởng là ông Nguyễn Thế Đông. Ngày 15/01/1992 ông được UBND xã Đào Viên giao cho thửa đất ở kinh doanh phố Đông Du, diện tích 84 m<sup>2</sup>, diện tích lưu không là 120 m<sup>2</sup>, có tứ cận phía Bắc giáp đường QL 18m, phía Nam giáp nương của xóm Núi Đông Du, phía Đông giáp nhà của Bưu điện Đông Du, phía Tây giáp nhà bà Sách Đông Du. Biên bản cấp đất có chữ ký của chủ tịch UBND xã Đào Viên lúc đó là ông Nguyễn Đăng Cáp và Ban ruộng đất xã lúc đó là ông Trần Văn Luật. Sau đó tại biên bản kiểm tra đất ở khu vực đường 18 ngày 29/11/1993 của UBND xã Đào Viên, Ban quản lý HTX Đào Viên và chính quyền xóm Núi, Đông Du kết luận đúng tiêu chuẩn quy định, trong đó có thửa đất của gia đình ông rộng 06 m, dài 34 m và đề nghị làm thủ tục cấp đất cho các hộ. Biên bản có chữ ký của ông Phùng Đắc Khang phó chủ tịch UBND xã, ông Mai Văn Thịnh là chủ nhiệm HTX, ông Nguyễn Văn Cục là trưởng thôn Đông Du và đại diện tổ kiểm tra là ông Nguyễn Đức Di, có chứng kiến của VKSND huyện Quế Võ là ông Nguyễn Bá Tiếp.

*Theo UBND xã Đào Viên cung cấp tại biên bản làm việc ngày 27/3/2019:* Căn cứ sổ lưu biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng đất tại tờ bản đồ số 19, quyền số 01 năm 2003 hiện đang lưu trữ tại UBND xã Đào Viên, thì thửa đất số 31, tờ bản đồ số 19, diện tích 193 m<sup>2</sup> đứng tên chủ sử dụng là ông **Nguyễn Văn H3**. Tại phần II của biên bản có chữ ký của các chủ sử dụng đất tiếp giáp thửa đất là các ông Đỗ Văn Sánh và Nguyễn Văn Bản. Ngoài ra UBND xã Đào Viên còn lưu trữ sơ đồ khu đất dân cư Đông Du ( thời kỳ năm 1991- 1992 ) thể hiện thửa đất của **Ông H2** có số thửa 38, diện tích 72 m<sup>2</sup>, mặt đường QL 18 rộng 6m, phía Đông giáp đất của ông Sánh, phía Tây giáp đất của ông Hạc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh một số người là cán bộ HTX Đông Du thời kỳ cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du thời kỳ năm 1992. Cụ thể là ông Nguyễn Văn Cục, sinh năm 1940 ở Đông Du Núi, Đào Viên là Ủy viên Ban quản trị HTX Đông Du thời kỳ năm 1990- 1992; ông Nguyễn Văn Đông, sinh năm 1950 ở Đông Du Núi, Đào Viên là kế toán HTX Đông Du thời kỳ năm 1990- 1992; ông Mai Văn Thịnh, sinh năm 1950 ở Đông Du Núi, Đào Viên là phó Chủ nhiệm

HTX Đông Du thời kỳ năm 1990- 1992; ông Phạm Duy Lâm, sinh năm 1950 ở Đông Du Núi, Đào Viên là Chủ nhiệm HTX Đông Du thời kỳ năm 1990- 1992; ông Nguyễn Huy Quang, sinh năm 1953 ở Đông Du Núi là thủ quỹ HTX Đông Du thời kỳ năm 1990- 1992. Ngoài ra Tòa án còn xác minh ông Nguyễn Quang Thành, sinh năm 1955 ở Đông Du Núi, Đào Viên là em ruột ông **Nguyễn Thanh T1**, anh ruột ông **Nguyễn Văn H3**. Những người trên đều xác nhận thửa đất số 31, tờ bản đồ 19, diện tích 193 m<sup>2</sup>, địa chỉ thôn Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2003 là của ông **Nguyễn Văn H3**. Ông Thành em **ông T1** còn cung cấp đơn đề nghị của **ông T1** viết ngày 08/9/2005 gửi ông Nguyễn Công Niên bí thư xã, ông Nguyễn Tiến Quỳnh chủ tịch xã, ông Mai Thành Trung địa chính xã. Trong đơn **ông T1** viết có nội dung: : “ Còn miếng đất ở phố Đông Du chúng tôi thống nhất cho chú em tôi là **Nguyễn Văn H3** lúc đó đang là bộ đội ở tỉnh đội Hà Bắc”, ... “ Sau đó chúng tôi đồng ý cho thím Hạnh ( vợ **Ông H2** ) xây móng làm nhà để ở”.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là bà Đồng Thị H1 trình bày quan điểm và đưa ra ý kiến đề nghị HĐXX xem xét về các nội dung sau:*

*Thứ nhất:* Xem xét về tình hợp pháp của “ Biên bản cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du” ghi ngày 15/01/1992 do ông **Nguyễn Thanh T1** cung cấp cho Tòa án:

*I. Về thành phần giao đất:* \* Đại diện UBND xã Đào Viên: 1) Ông: Nguyễn Đăng Cáp: Chủ tịch UBND xã. 2) Ông: Trần Văn Luật; Cán bộ ruộng đất xã.

\* Đại diện HTX Núi Đông Du: 1) Ông: Phạm Duy Lâm Chủ nhiệm HTX. 2) Ông: **Nguyễn Văn H2** Trưởng thôn. Nhưng ở cuối biên bản thì chỉ có chữ ký của các thành phần “ Đại diện UBND xã Đào Viên” mà không có chữ ký của “ Đại diện HTX Núi Đông Du”.

\* Theo kết quả xác minh của Tòa án, ông Phạm Duy Lâm xác định và khẳng định là Hợp tác xã Đông Du Núi không giao và cấp đất cho ông **Nguyễn Thanh T1**.

\* Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của Nguyên đơn, Tòa án đã yêu cầu **ông T1** giao nộp Bản gốc Biên bản cấp đất ghi ngày 15/01/1992 để trưng cầu giám định xác định tính hợp pháp. Tuy nhiên **ông T1** không giao nộp. Theo qui định tại Khoản 2, 4 Điều 91 và Khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự thì “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định của Bộ luật này để giải quyết vụ việc dân sự*”. Việc **ông T1** không giao nộp chứng cứ để tòa án xem xét là đã từ bỏ quyền lợi của mình.

\* Như vậy, có đủ căn cứ và cơ sở pháp lý để xác định và khẳng định “ Biên bản cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du” ghi ngày 15/01/1992 là không hợp pháp, bởi vì: Những người có tên trong thành phần tham gia giao đất với tư cách là “Đại

diện cho Hợp tác xã Núi Đông Du” đều không ký tên vào trong biên bản này.

## *II. Xem xét về một số nội dung trong biên bản:*

1. Nội dung trong biên bản ghi “*Nay bàn giao cho ông **Nguyễn Thanh T1***”, vậy nhưng ở cuối biên bản người ký tên dưới mục “*TM gia đình*” thì lại ghi họ và tên là “**Nguyễn Văn T1**”. Tài liệu có tiêu đề “*Đơn xin đất ở*” ghi ngày 15/9/1990 xác định người viết và ký đơn “*TM: gia đình*” là ông **Nguyễn Văn T1**, trong các tài liệu khác cũng đều xác định và thể hiện “*thời điểm năm 1992, 1993 chỉ có người tên là Nguyễn Văn Tân, mãi đến năm 2009 thì ở trên CMND mới ghi tên là “**Nguyễn Thanh T1**”*”.

2. Về nội dung ghi “*Miếng đất số: Phía Nam + Bắc đường 18*”: Biên bản ghi như vậy nghĩa là miếng đất này không thể tồn tại trên thực tế, vì “*một miếng đất không thể có 2 cạnh Bắc - Nam ở 2 phía đối diện nhau (Đầu và Cuối)*” nhưng cả hai cạnh đối diện nhau lại cùng tiếp giáp với mặt đường 18”.

3. Về nội dung ghi “*Diện tích sử dụng là 84 m<sup>2</sup>, Diện tích lưu không là 120m<sup>2</sup>*”, ghi như vậy là không phù hợp thực tế và trái qui định của pháp luật. Bởi vì: Theo nội dung tại các Biên bản về việc HTX Đông Du Núi và UBND xã Đào Viên đã giao đất cho các hộ khác tại khu vực này thời điểm ngày 17/3/1992, thì tất cả các hộ khác trong khu vực này chỉ được giao “*Diện tích sử dụng là 70m<sup>2</sup> và Diện tích lưu không là 100 m<sup>2</sup>*”. Theo qui định tại Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND9 ngày 18/10/1991 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Bắc (cũ), thì “*Tất cả các huyện lỵ và các xã nếu được duyệt quy hoạch đất ở 2 bên đường quốc lộ, tỉnh lộ thì mức cấp tối đa là 70m<sup>2</sup>/01 hộ (kể cả hộ phi nông nghiệp và hộ làm nông nghiệp)*”.

4. Nội dung ghi về tứ cận các cạnh Đông - Tây - Nam - Bắc: Trong biên bản, tất cả các cạnh Đông, Tây, Nam, Bắc đều không ghi và không xác định là bao nhiêu mét. Tuy nhiên, trong biên bản lại ghi “*Phía Đông giáp nhà của Bưu điện Đông Du*” “*Phía Tây giáp nhà bà Sách Đông Du*”. Điều này là vô lý và không đúng với thực tế tại thời điểm 1991 và tại thời điểm hiện nay. Bởi vì: Từ năm 1991 đến nay thì đất nhà bà Sách và nhà của Bưu điện Đông Du vẫn ở nguyên vị trí cũ. Biên bản ghi như vậy nghĩa là “*Tất cả các miếng đất mà HTX Đông Du Núi đã giao cho các hộ khác ngày 17/3/1992 ở Khu vực phía Nam đường 18, đều nằm trong miếng đất mà ông **Nguyễn Thanh T1** đã được UBND xã Đào Viên giao từ ngày 15/01/1991*”.

5. Ý kiến Nhận xét và đề nghị của Luật sư: Biên bản cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du” ghi ngày 15/01/1992 của UBND xã Đào Viên về việc giao đất ở cho ông **Nguyễn Thanh T1** “*Có chứa nội dung có thể sẽ làm hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của ông **Nguyễn Văn H3**, bà **Đông Thị H1** hoặc sẽ làm phát sinh quyền lợi của ông **Nguyễn Thanh T1**, hoặc sẽ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức khác*”.

Theo qui định tại Điều 3 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính được hiểu là “*1. Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính*”.

*được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. 2. Quyết định hành chính bị kiện là quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà quyết định đó làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.*

Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức “1. Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết. 2. Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Trường hợp vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định này thì phải được Tòa án xem xét trong cùng một vụ việc dân sự đó”. \* Theo nội dung đã được phân tích và lập luận ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá về tính hợp pháp và có căn cứ của “Biên bản cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du” ghi ngày 15/01/1992 của UBND xã Đào Viên về việc giao đất ở cho ông **Nguyễn Thanh T1**. Trên cơ sở đó, đề nghị HĐXX căn cứ qui định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 31, 191, 193 Luật tố tụng hành chính, tuyên xử hủy Biên bản cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du” ghi ngày 15/01/1992 của UBND xã Đào Viên về việc giao đất ở cho ông **Nguyễn Thanh T1**.

*Thứ hai: Xem xét về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và nội dung đã được Nguyên đơn với đồng Bị đơn hòa giải, thỏa thuận:*

1. Các tài liệu chứng cứ có trong hồ như vụ án (*Biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, Biên bản cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du ngày 17/3/1992 cho ông Nguyễn Văn Bản; Biên bản xác minh của Tòa án đối với ông Nguyễn Quang Thành là em trai của ông T1, là anh trai của Ông H2 và xác minh với những người Nguyên là Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, Kế toán, Ủy viên ban quản trị HTX Đông Du Núi thời kỳ 1990-1992; Phiếu thu tiền thuế ...v.v*), đều có chung nội dung xác định và khẳng định: *Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc là do HTX Đông Du Núi cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H3 ngày 17/3/1992. Theo qui định tại Điểm a Khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì “Đây là những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết, không phải chứng minh”.*

2. Quá trình giải quyết vụ án giữa Nguyên đơn với đồng Bị đơn đã hòa giải, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung tranh chấp và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ qui định của pháp luật, đề nghị HĐXX tuyên xử:

2.1. Xác nhận diện tích 171,5m<sup>2</sup> theo kết quả đo đạc hiện trạng khi giải quyết tranh chấp (*Theo số liệu trên bản đồ địa chính thì diện tích là 193m<sup>2</sup>*) đất ở thuộc thửa số 31 tờ bản đồ số 19 (*Giáp trục đường Quốc lộ số 18*) địa chỉ thửa đất tại thôn Núi, xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh và 01 móng nhà đã xây dựng trên thửa đất này, là tài sản thuộc quyền sử dụng và sở hữu chung của bà Đồng Thị H1 và chồng là **Nguyễn Văn H3 (Ông H2 đã chết năm 1994 không để lại di chúc)**.

2.2. Bà Đồng Thị H1 được quyền sử dụng diện tích 171,5m<sup>2</sup> theo kết quả đo đạc hiện trạng khi giải quyết tranh chấp (*Theo số liệu trên bản đồ địa chính thì diện tích là 193m<sup>2</sup>*) đất ở thuộc thửa số 31 tờ bản đồ số 19 (*Giáp trực đường Quốc lộ số 18*) địa chỉ thửa đất tại thôn Núi, xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh và 01 móng nhà đã xây dựng trên thửa đất này. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đồng Thị Hạnh có quyền liên hệ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn làm hồ sơ kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất này theo qui định của pháp luật. Đồng thời, bà Đồng Thị H1 phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sử dụng đất, nghĩa vụ tài chính (*nếu có*) theo qui định của Luật đất đai.

2.3. Bà Đồng Thị H1 phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản là đất có tranh chấp chia thừa kế là thửa đất số 31, tờ bản đồ 19, diện tích 193 m<sup>2</sup>, địa chỉ thôn Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2003 là của ông **Nguyễn Văn H3**. Thửa đất này có giá trị là 28.300.000đ/m<sup>2</sup>.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa có ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng, của các đương sự là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của **chị H**, xác định thửa đất số 31, tờ bản đồ 19, diện tích 193 m<sup>2</sup>, địa chỉ thôn Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2003 là của ông **Nguyễn Văn H3**. Trong đó theo Biên bản cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du của UBND xã Đào Viên năm 1992 thì diện tích đất ở là 70 m<sup>2</sup>, còn là diện tích lưu không. Theo sự thỏa thuận của các đương sự là nguyên đơn và bị đơn, thì chia toàn bộ di sản của **Ông H2** để lại sau khi chết cho **bà H1**. Có căn cứ để xác định sau khi **Ông H2** chết thì hàng thừa kế thứ nhất của **Ông H2** bao gồm; **bà H1**, **chị H** và anh Hùng. Chia thửa đất trên và tài sản gắn liền với đất ( móng nhà cũ ) cho bà Đồng Thị H1 sử dụng, sở hữu. **Bà H1** không phải trích chia giá trị di sản của **Ông H2** cho **chị H** và anh Hùng.

Về án phí **chị H** xin chịu cả theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên.

## XÉT THẤY

*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án các đương sự là nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng thủ tục, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông **Nguyễn Thanh T1** và bà **Đinh Thị Th**, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập đến để làm việc, nhưng vợ chồng **ông T1** không đến. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của vợ chồng **ông T1 bà Th** tại gia đình **ông T1**, có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương, sau đó tiếp tục triệu tập vợ chồng **ông T1** đến Tòa án để làm việc, tiến hành các thủ tục tố tụng như đối chất, tham gia phiên họp và hòa giải, nhưng vợ chồng **ông T1** vẫn không đến. Tòa án đã quyết định yêu cầu **ông T1** cung cấp tài liệu chứng cứ là bản gốc “ Biên bản cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du” của

UBND xã Đào Viên và HTX Núi Đông Du ghi ngày 15/01/1992 cấp cho **ông T1**, để cho đi giám định theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng **ông T1** không cung cấp.

Theo qui định tại Khoản 2, 4 Điều 91 và Khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc **ông T1** không giao nộp chứng cứ để tòa án xem xét là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Tòa án đã làm các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho vợ chồng **ông T1**, nhưng vợ chồng **ông T1** đều không nhận. Tòa án đã lập biên bản về việc này có sự chứng kiến của chính quyền, công an địa phương.

Do đó việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng **ông T1** là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về quan hệ pháp luật có tranh chấp:* HĐXX xác định đây là quan hệ pháp luật về thừa kế tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự.

*Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện về thừa kế:* Ông **Nguyễn Văn H3** chết tháng 3 năm 1994, theo Trích lục khai tử số 202/TLKT- BS ngày 06/10/2017 của UBND phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cấp. Như vậy xác định thời điểm mở thừa kế của **Ông H2** là tháng 3/1994.

Về thời hiệu khởi kiện về thừa kế: Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Như vậy việc ngày 12/12/2017 Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất, là nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

*Về hàng thừa kế theo quy định của pháp luật:* ông **Nguyễn Văn H3** sinh năm 1960, vợ **Ông H2** là bà Đồng Thị H1 sinh năm 1962. Vợ chồng **Ông H2** bà **H1** kết hôn năm 1985, sinh được 02 người con là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 và anh **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1990. Ngoài ra vợ chồng **Ông H2** bà **H1** không có người con nuôi nào. Mẹ của **Ông H2** tên là Nguyễn Thị Nhật đã chết năm 1968. Bố của **Ông H2** tên là **Nguyễn Văn T1** đã chết năm 1984. ( Điều có giấy chứng tử và điều chết trước **Ông H2** ). **Ông H2** chết tháng 3 năm 1994 không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự thì xác định hàng thừa kế theo pháp luật của **Ông H2** là: Hàng thừa kế thứ nhất: Gồm vợ là bà **H1**, con đẻ là **chị H** và anh Hùng.

*Về xác định di sản thừa kế của Ông H2 để lại:* Theo các đương sự là nguyên đơn và bị đơn xác định di sản của **Ông H2** để lại là: Năm 1992 vợ chồng **Ông H2** được địa phương là Hợp tác xã thôn Đông Du Núi và UBND xã Đào Viên cấp cho 01 thửa đất ở mặt đường QL18, thuộc thôn Đông Du Núi, xã Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh. Thửa đất này theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2003 thì có số thửa 31, tờ bản đồ số địa chính số 19, diện tích 193 m<sup>2</sup> . Trên thửa đất có một móng nhà kiên cố xây bằng gạch từ năm 1995, có kích thước rộng 4,8m, dài 9,3m, cao 1,5m. Thửa đất này hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do có tranh chấp trong nội bộ gia đình. Cụ thể là ông **Nguyễn Văn T1** ( tức **Nguyễn Thanh T1**) là anh ruột **Ông H2**, ở Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh có giao nộp cho Tòa án bản sao “ Biên bản cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du” ghi ngày 15/01/1992 cấp cho **ông T1**. Theo **ông T1** thì thửa đất này là cấp cho **ông T1** chứ không phải cho **Ông H2**. Nhưng quá



trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu **ông T1** nộp bản gốc tài liệu này để cho đi giám định, nhưng **ông T1** không nộp. Tòa án triệu tập vợ chồng **ông T1** đến làm việc, nhưng vợ chồng **ông T1** không đến. Như vậy theo quy định của pháp luật **ông T1** đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, do đó **ông T1** phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã Đào Viên. Theo UBND xã Đào Viên cung cấp tại biên bản làm việc ngày 27/3/2019 thì: Căn cứ sổ lưu biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng đất tại tờ bản đồ số 19, quyển số 01 năm 2003 hiện đang lưu trữ tại UBND xã Đào Viên, thì thửa đất số 31, tờ bản đồ số 19, diện tích 193 m<sup>2</sup> đứng tên chủ sử dụng là ông **Nguyễn Văn H3**. Tại phần II của biên bản có chữ ký của các chủ sử dụng đất tiếp giáp thửa đất là các ông Đỗ Văn Sánh và Nguyễn Văn Bản. Ngoài ra UBND xã Đào Viên còn lưu trữ sơ đồ khu đất dân cư Đông Du ( thời kỳ năm 1991- 1992 ) thể hiện thửa đất của **Ông H2** có số thửa 38, diện tích 72 m<sup>2</sup>, mặt đường QL 18 rộng 6m, phía Đông giáp đất của ông Sánh, phía Tây giáp đất của ông Hạc.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh một số người là cán bộ HTX Đông Du thời kỳ cấp đất ở kinh doanh phố Đông Du thời kỳ năm 1992. Cụ thể là ông Nguyễn Văn Cúc, sinh năm 1940 ở Đông Du Núi, Đào Viên là Ủy viên Ban quản trị HTX Đông Du thời kỳ năm 1990- 1992; ông Nguyễn Văn Đông, sinh năm 1950 ở Đông Du Núi, Đào Viên là kế toán HTX Đông Du thời kỳ năm 1990- 1992; ông Mai Văn Thịnh, sinh năm 1950 ở Đông Du Núi, Đào Viên là phó Chủ nhiệm HTX Đông Du thời kỳ năm 1990- 1992; ông Phạm Duy Lâm, sinh năm 1950 ở Đông Du Núi, Đào Viên là Chủ nhiệm HTX Đông Du thời kỳ năm 1990- 1992; ông Nguyễn Huy Quang, sinh năm 1953 ở Đông Du Núi là thủ quỹ HTX Đông Du thời kỳ năm 1990- 1992. Ngoài ra Tòa án còn xác minh ông Nguyễn Quang Thành, sinh năm 1955 ở Đông Du Núi, Đào Viên là em ruột ông **Nguyễn Thanh T1**, anh ruột ông **Nguyễn Văn H3**. Những người trên đều xác nhận thửa đất số 31, tờ bản đồ 19, diện tích 193 m<sup>2</sup>, địa chỉ thôn Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2003 là của ông **Nguyễn Văn H3**. Ông Thành em **ông T1** còn cung cấp đơn đề nghị của **ông T1** viết ngày 08/9/2005 gửi ông Nguyễn Công Niên bí thư xã, ông Nguyễn Tiến Quỳnh chủ tịch xã, ông Mai Thành Trung địa chính xã. Trong đơn **ông T1** viết có nội dung: : “ Còn miếng đất ở phố Đông Du chúng tôi thống nhất cho chú em tôi là **Nguyễn Văn H3** lúc đó đang là bộ đội ở tỉnh đội Hà Bắc”, ... “ Sau đó chúng tôi đồng ý cho thím Hạnh ( vợ **Ông H2** ) xây móng làm nhà để ở”.

Như vậy HĐXX xét thấy có căn cứ để xác định thửa đất số 31, tờ bản đồ 19, địa chỉ Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh là của vợ chồng **Ông H2 bà H1**. Xác định di sản thừa kế của **Ông H2** để lại là quyền sử dụng ½ thửa đất này.

Về xác định diện tích của vợ chồng **Ông H2 bà H1** được cấp năm 1992 thì: theo sơ đồ khu đất dân cư Đông Du ( thời kỳ năm 1991- 1992 ) mà UBND xã Đào Viên cung cấp thì thể hiện thửa đất của **Ông H2** có số thửa 38, diện tích  $72\text{ m}^2$  , mặt đường QL 18 rộng 6m, phía Đông giáp đất của ông Sánh, phía Tây giáp đất của ông Hạc. Và thửa đất của ông Hạc cũng có diện tích bằng của **Ông H2** là  $72\text{ m}^2$  . Nhưng theo Biên bản giao đất ngày 17/3/1992 của HTX nông nghiệp Đông Du và UBND xã Đào Viên cho ông Nguyễn Văn Bản ( Hạc ) thì diện tích là  $70\text{ m}^2$  , lưu không là  $100\text{ m}^2$  , phía Tây giáp đất nhà **Ông H2** dài 34 m...Diện tích  $70\text{ m}^2$  này phù hợp với qui định tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND9 ngày 18/10/1991 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Bắc (cũ) là “ *Tất cả các huyện lỵ và các xã nếu được duyệt quy hoạch đất ở 2 bên đường quốc lộ, tỉnh lộ thì mức cấp tối đa là  $70\text{m}^2/01$  hộ ( kể cả hộ phi nông nghiệp và hộ làm nông nghiệp)*”. Như vậy có căn cứ để xác định diện tích đất mà vợ chồng **Ông H2** được cấp năm 1992 là  $70\text{ m}^2$  . Xác định di sản của **Ông H2** để lại là quyền sử dụng  $\frac{1}{2}$  diện tích đất này là  $35\text{ m}^2$  . Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành định giá thửa đất hiện nay có giá trị là  $28.300.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 35\text{ m}^2 = 990.500.000\text{đ}$ .

Tại phiên tòa, các đương sự là nguyên đơn và bị đơn thống nhất quan điểm giải quyết vụ án hiện nay là: Chia toàn bộ di sản của **Ông H2** cho bà Đồng Thị H1 được quyền sử dụng, sở hữu. **Bà H1** không phải trích chia giá trị di sản của **Ông H2** cho **chị H** và anh Hùng. Xét sự tự nguyện này là phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản: **Chị H** xin chịu cả.

Bởi các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 609, 612, 613, 614, 623, 650, 651, 658, 660 Bộ luật dân sự. Điều 97; Điều 98 Luật đất đai; Điều 235, 147, 271, 273- Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xác định người được hưởng di sản của ông **Nguyễn Văn H3** bao gồm 03 người ở hàng thừa kế thứ nhất là: bà Đồng Thị H1, chị Nguyễn Thị H và anh **Nguyễn Văn H2**.

2. Xác định tài sản của vợ chồng **Ông H2 bà H1** là quyền sử dụng diện tích đất ở  $70\text{ m}^2$  nằm trong thửa đất theo hồ sơ kỹ thuật là thửa đất số 31, tờ bản đồ 19, diện tích  $193\text{ m}^2$ , địa chỉ thôn Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh đứng tên ông **Nguyễn Văn H3**. Xác định di sản của ông **Nguyễn Văn H3** để lại thừa kế là:  $\frac{1}{2}$  diện tích đất ở của **Ông H2 bà H1**, cụ thể là  $35\text{ m}^2$  trong thửa đất theo hồ sơ kỹ thuật là thửa đất số 31, tờ bản đồ 19, diện tích  $193\text{ m}^2$ , địa chỉ thôn Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh đứng tên ông **Nguyễn Văn H3**, có giá trị là 990.500.000đ.

- Chia cho bà Đồng Thị H1 được quyền sử dụng diện tích đất ở  $35\text{ m}^2$  trong thửa đất theo hồ sơ kỹ thuật là thửa đất số 31, tờ bản đồ 19, diện tích  $193\text{ m}^2$ , địa chỉ thôn Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh đứng tên ông **Nguyễn Văn H3** và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Về án phí DSST, chi phí thẩm định, định giá tài sản:

- **Chị H** phải chịu 41.715.000đ tiền án phí và 10.000.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận **chị H** đã nộp đủ 10.000.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự*
- *VKSND huyện Quế Võ*
- *TAND tỉnh Bắc Ninh*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh*
- *THADS huyện Quế Võ.*
- *Luật sư.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Ngọc Sơn**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Hân Trịnh Văn Toán**

**Hoàng Ngọc Sơn**